Trường: .....

Lớp: .....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 MÔN TOÁN LỚP 4 – ĐỀ SỐ 1

Môn: Toán · Lớp 4 · Cuối học kỳ I

Thời gian làm bài: 40 phút · Thang điểm: 10 · 17 câu

Họ và tên học sinh:	Số báo danh: .....

Điểm	Lời nhận xét của giáo viên

I. TRẮC NGHIỆM *(3 ĐIỂM)*

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (mỗi câu 0,5 điểm).

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 47 903 285, chữ số 9 thuộc hàng nào, lớp nào?

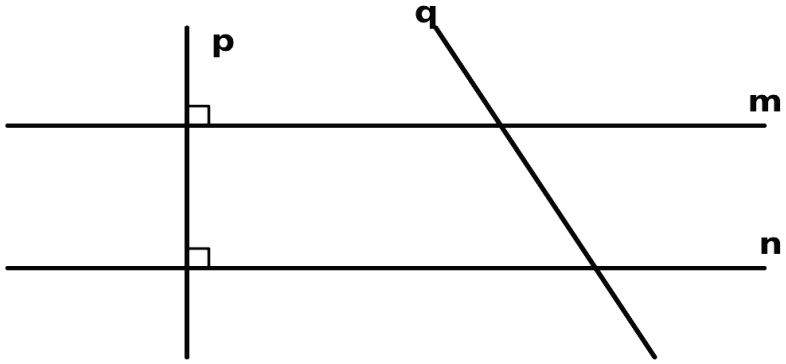
A. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn

B. Hàng chục nghìn, lớp nghìn

C. Hàng trăm nghìn, lớp triệu

D. Hàng nghìn, lớp nghìn

Câu 2. *(0,5 điểm)* Quan sát hình vẽ bên. Hai đường thẳng nào song song với nhau?



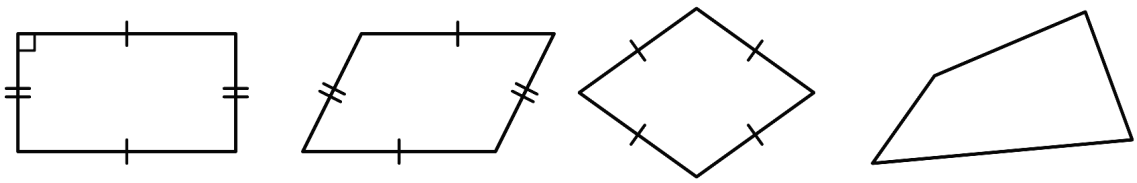
A. Đường thẳng m và đường thẳng p

B. Đường thẳng m và đường thẳng n

C. Đường thẳng p và đường thẳng q

D. Đường thẳng n và đường thẳng q

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



Hình A **Hình B** **Hình C** **Hình D**

A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D. Hình D

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 3 084 × 5 là:

A. 15 020

B. 14 920

C. 15 400

D. 15 420

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 96, hiệu của hai số là 18. Số lớn là:

A. 39

B. 57

C. 78

D. 48

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một hình chữ nhật có chiều dài 8 dm, chiều rộng 5 dm. Diện tích hình chữ nhật đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

A. 40 cm²

B. 400 cm²

C. 4 000 cm²

D. 1 300 cm²

II. TỰ LUẬN *(7 ĐIỂM)*

Trình bày lời giải các bài toán.

Câu 1 *(1 điểm)*

Đặt tính rồi tính:

a) 483 267 + 295 158 *(0,25 đ)*

b) 705 000 − 268 439 *(0,25 đ)*

c) 3 746 × 8 *(0,25 đ)*

d) 52 836 : 6 *(0,25 đ)*

Câu 2. *(1 điểm)* Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 tấn 5 yến = ... kg

b) 7 m^2 6 dm^2 = ... dm^2

c) 2 phút 35 giây = ... giây

d) 3 dm^2 25 cm^2 = ... cm^2

Câu 3 *(1,5 điểm)*

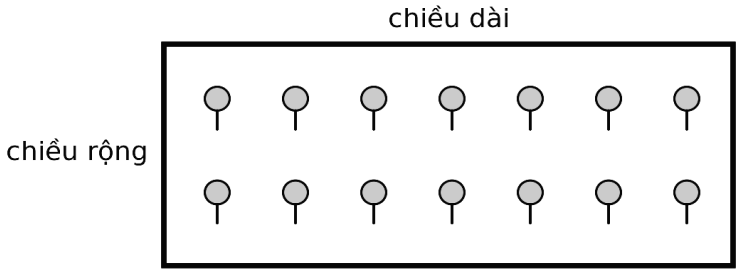
Tính bằng cách thuận tiện:

a) *(0,75 điểm)* 4 725 + 1 386 + 5 275 + 614

b) *(0,75 điểm)* 25 × 37 × 4

truongkienthuc.vn

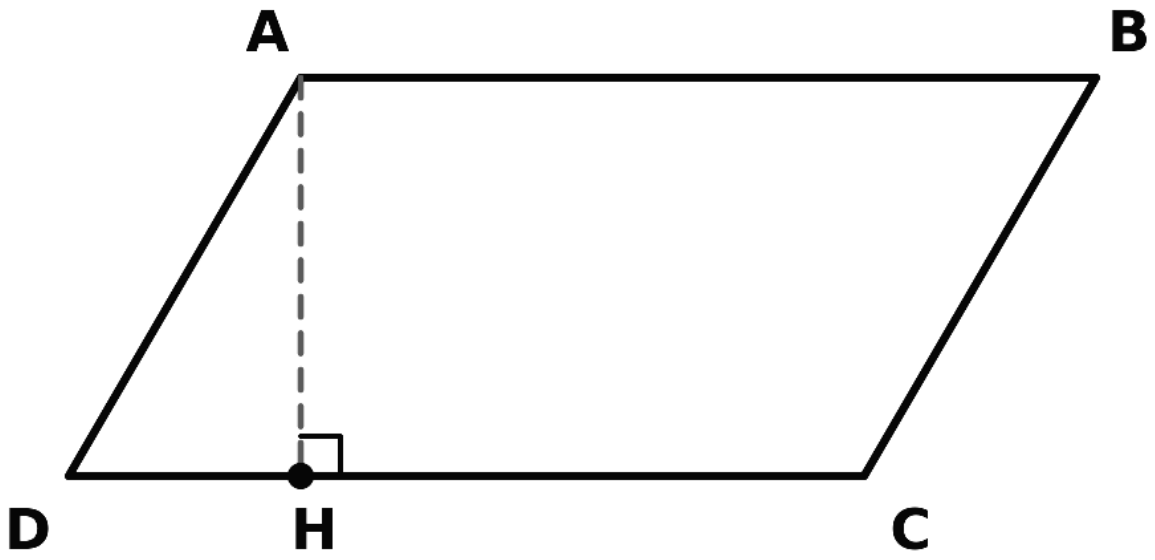
Câu 4. *(2 điểm)* Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 84 m, chiều dài hơn chiều rộng 12 m. Hỏi: a) Chiều dài và chiều rộng của mảnh vườn là bao nhiêu mét? b) Diện tích mảnh vườn là bao nhiêu mét vuông?



Nửa chu vi: 84 m
Chiều dài hơn chiều rộng: 12 m

Câu 5 *(1,5 điểm)*

Cho hình bình hành ABCD, trong đó AH vuông góc với cạnh DC (hình bên).



Điền vào chỗ trống.

a) *(0,5 điểm)* Cạnh song song với cạnh AB là cạnh .....

b) *(0,5 điểm)* Cạnh AD bằng cạnh .....

c) *(0,5 điểm)* Đoạn thẳng AH vuông góc với cạnh DC và cạnh .....

— Hết —

truongkienthuc.vn

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

Đề kiểm tra cuối học kỳ 1 môn Toán lớp 4 – Đề số 1

Môn: Toán · Lớp 4 · Cuối học kỳ I · Thang điểm: 10

I. TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	C	D	B	C

Câu 1. Trong số 47 903 285, chữ số 9 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn **B.** Hàng chục nghìn, lớp nghìn

C. Hàng trăm nghìn, lớp triệu **D.** Hàng nghìn, lớp nghìn

Phương pháp

- Chia số thành các lớp (từ phải sang trái: lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu), rồi xác định hàng và lớp của chữ số 9.

Lời giải

Số 47 903 285 gồm: lớp triệu (47), lớp nghìn (903), lớp đơn vị (285).

Chữ số 9 là chữ số đầu tiên của lớp nghìn nên ở hàng trăm nghìn.

Vậy chữ số 9 ở hàng trăm nghìn, lớp nghìn.

B (Hàng chục nghìn, lớp nghìn) sai vì hàng chục nghìn là chữ số 0, còn chữ số 9 ở hàng trăm nghìn.

C (Hàng trăm nghìn, lớp triệu) sai vì hàng trăm nghìn thuộc lớp nghìn

Lớp triệu chỉ gồm các chữ số 4 và 7.

D (Hàng nghìn, lớp nghìn) sai vì hàng nghìn là chữ số 3, còn chữ số 9 ở hàng trăm nghìn.

Chọn A

Câu 2. Quan sát hình vẽ bên. Hai đường thẳng nào song song với nhau?

A. Đường thẳng m và đường thẳng p **B.** Đường thẳng m và đường thẳng n

C. Đường thẳng p và đường thẳng q **D.** Đường thẳng n và đường thẳng q

Phương pháp

- Hai đường thẳng cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì song song với nhau.

Lời giải

Quan sát hình vẽ: đường thẳng m và đường thẳng n cùng vuông góc với đường thẳng p.

Vậy đường thẳng m song song với đường thẳng n.

Đường thẳng q cắt các đường thẳng còn lại nên không song song với đường thẳng nào.

A (Đường thẳng m và đường thẳng p) sai vì m vuông góc với p (hai đường thẳng này cắt nhau).

C (Đường thẳng p và đường thẳng q) sai vì p và q không song song: kéo dài ra thì hai đường thẳng này cắt nhau.

D (Đường thẳng n và đường thẳng q) sai vì n và q cắt nhau.

Chọn B

Câu 3. Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Phương pháp

- Hình thoi là hình có bốn cạnh bằng nhau (hai cặp cạnh đối song song).

Lời giải

Các cạnh bằng nhau được đánh dấu giống nhau trên hình.

Hình C có bốn cạnh đều được đánh dấu bằng nhau, không có góc vuông nên là hình thoi.

A (Hình A) sai vì hình A là hình chữ nhật: chỉ có các cạnh đối bằng nhau, hai cạnh kề không bằng nhau.

B (Hình B) sai vì hình B là hình bình hành: chỉ có các cạnh đối bằng nhau, hai cạnh kề không bằng nhau.

D (Hình D) sai vì hình D là hình thang cân: bốn cạnh không bằng nhau.

Chọn C

Câu 4. Kết quả của phép nhân 3 084 × 5 là:

A. 15 020 **B.** 14 920 **C.** 15 400 **D.** 15 420

Phương pháp

- Đặt tính rồi nhân lần lượt từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước.

Lời giải

4 × 5 = 20, viết 0 nhớ 2.

8 × 5 = 40, thêm 2 được 42, viết 2 nhớ 4.

0 × 5 = 0, thêm 4 được 4, viết 4.

3 × 5 = 15, viết 15.

Vậy 3 084 × 5 = 15 420.

A (15 020) sai vì đã quên số nhớ 4 khi nhân chữ số 0 (hàng trăm), nên hàng trăm là 0 thay vì 4.

B (14 920) sai vì 3 084 > 3 000 nên tích phải lớn hơn 3 000 × 5 = 15 000, mà 14 920 < 15 000.

C (15 400) sai vì đã quên số nhớ 2 khi nhân chữ số 8 (hàng chục): 8 × 5 = 40 phải cộng thêm 2 thành 42.

Chọn D

---

truongkienthuc.vn

Câu 5. Tổng của hai số là 96, hiệu của hai số là 18. Số lớn là:

A. 39 **B.** 57 **C.** 78 **D.** 48

Phương pháp

- Số lớn = (tổng + hiệu) : 2; số bé = (tổng − hiệu) : 2.

Lời giải

Số lớn là:

(96 + 18) : 2 = 114 : 2

= 57

Số bé là: 96 − 57 = 39

Thử lại:

57 + 39 = 96 và 57 − 39

= 18

A (39) sai vì 39 là số bé.

C (78) sai vì 78 = 96 − 18 mới là hiệu của tổng và hiệu, chưa chia 2.

D (48) sai vì 48 = 96 : 2 là một nửa của tổng

Hai số này không bằng nhau.

Chọn B

Câu 6. Một hình chữ nhật có chiều dài 8 dm, chiều rộng 5 dm. Diện tích hình chữ nhật đó là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

A. 40 cm^2 **B.** 400 cm^2 **C.** 4 000 cm^2 **D.** 1 300 cm^2

Phương pháp

- Đổi các số đo về xăng-ti-mét (1 dm = 10 cm) rồi tính diện tích hình chữ nhật: chiều dài × chiều rộng.
- Cách khác: tính theo dm^2 rồi đổi (1 dm^2 = 100 cm^2).

Lời giải

Đổi 8 dm = 80 cm

5 dm = 50 cm

Diện tích hình chữ nhật là:

80 × 50 = 4 000 (cm^2)

Kiểm tra: 8 × 5 = 40 (dm^2), mà 1 dm^2 = 100 cm^2 nên 40 dm^2 = 4 000 cm^2.

A (40 cm^2) sai vì 40 là diện tích tính theo đề-xi-mét vuông (8 × 5 = 40 dm^2), chưa đổi sang xăng-ti-mét vuông.

B (400 cm^2) sai vì đã đổi 1 dm^2 = 10 cm^2

Thực tế 1 dm^2 = 100 cm^2.

D (1 300 cm^2) sai vì diện tích hình chữ nhật là tích (nhân) của chiều dài và chiều rộng, không phải tổng của chúng.

Chọn C

II. TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Câu 1 (1 điểm)

Đặt tính rồi tính:

a) 483 267 + 295 158

Đáp án / Kết quả:

483 267 + 295 158 = 778 425

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Cộng lần lượt từ phải sang trái (hàng đơn vị, hàng chục, ...), nhớ sang hàng liền trước khi tổng từ 10 trở lên.

Lời giải

483 267 + 295 158 = 778 425 (thử lại: 778 425 − 295 158 = 483 267)

---

b) 705 000 − 268 439

Đáp án / Kết quả:

705 000 - 268 439 = 436 561

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Trừ lần lượt từ phải sang trái; nếu chữ số ở số bị trừ bé hơn chữ số ở số trừ thì mượn 1 ở hàng liền trước.

Lời giải

705 000 − 268 439 = 436 561 (thử lại: 436 561 + 268 439 = 705 000)

---

c) 3 746 × 8

Đáp án / Kết quả:

3 746 × 8 = 29 968

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.
- Nhân lần lượt từng chữ số của số nhân với số bị nhân từ phải sang trái, nhớ sang hàng liền trước; với số nhân có hai chữ số thì viết tích riêng thứ hai lùi sang trái một cột rồi cộng các tích riêng.

Lời giải

3 746 × 8 = 29 968 (thử lại: 29 968 : 8 = 3 746)

---

d) 52 836 : 6

Đáp án / Kết quả:

52 836 : 6 = 8 806

Phương pháp

- Chia lần lượt từ trái sang phải: chia, nhân, trừ rồi hạ chữ số tiếp theo.
- Thử lại bằng phép nhân: thương nhân số chia phải bằng số bị chia.

Lời giải

52 836 : 6 = 8 806 (thử lại: 8 806 × 6 = 52 836)

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: a) 8 tấn 5 yến = ... kg b) 7 m^2 6 dm^2 = ... dm^2 c) 2 phút 35 giây = ... giây d) 3 dm^2 25 cm^2 = ... cm^2

Đáp án đúng:

Ô 1: 8 050

Ô 2: 706

Ô 3: 155

Ô 4: 325

Phương pháp

- Đổi từng số đo ra đơn vị bé hơn rồi cộng các phần lại (1 tấn = 1 000 kg; 1 yến = 10 kg; 1 m^2 = 100 dm^2; 1 dm^2 = 100 cm^2; 1 phút = 60 giây).

Lời giải

A) 8 tấn 5 yến = 8 000 kg + 50 kg = 8 050 kg.

b) 7 m^2 6 dm^2 = 700 dm^2 + 6 dm^2

= 706 dm^2

C) 2 phút 35 giây = 120 giây + 35 giây = 155 giây.

d) 3 dm^2 25 cm^2 = 300 cm^2 + 25 cm^2

= 325 cm^2

Câu 3 (1,5 điểm)

Tính bằng cách thuận tiện:

a) 4 725 + 1 386 + 5 275 + 614

Phương pháp

- Dùng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng: nhóm các số hạng có tổng tròn nghìn.

Lời giải

$$4\,725 + 1\,386 + 5\,275 + 614 = (4\,725 + 5\,275) + (1\,386 + 614)$$
$$= 10\,000 + 2\,000$$
$$= 12\,000$$

---

b) 25 × 37 × 4

Phương pháp

- Dùng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân: nhóm 25 × 4 = 100.

Lời giải

$$25 \times 37 \times 4 = (25 \times 4) \times 37$$
$$= 100 \times 37$$
$$= 3\,700$$

Câu 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 84 m, chiều dài hơn chiều rộng 12 m. Hỏi: a) Chiều dài và chiều rộng của mảnh vườn là bao nhiêu mét? b) Diện tích mảnh vườn là bao nhiêu mét vuông?

Phương pháp

- Nửa chu vi là tổng của chiều dài và chiều rộng nên đây là bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu: chiều dài = (tổng + hiệu) : 2; chiều rộng = tổng − chiều dài.
- Diện tích hình chữ nhật = chiều dài × chiều rộng.

Lời giải

a) Chiều dài mảnh vườn là:

$(84 + 12) : 2 = 48$ (m)

Chiều rộng mảnh vườn là:

$84 - 48 = 36$ (m)

b) Diện tích mảnh vườn là:

$48 \times 36 = 1\,728$ (m^2)

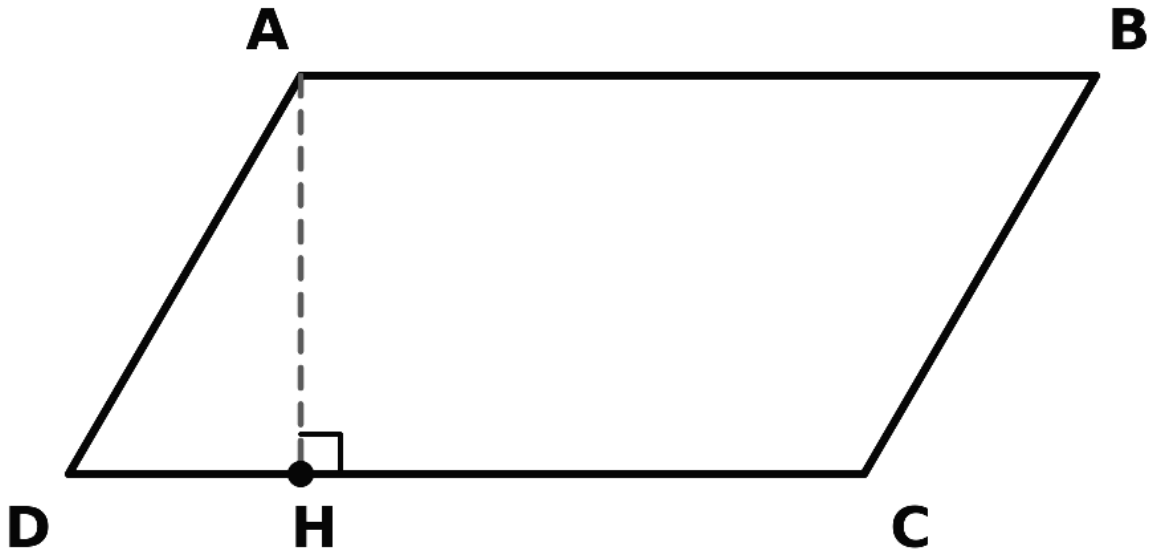
Đáp số: a) Chiều dài 48 m, chiều rộng 36 m

B) Diện tích 1 728 m^2

truongkienthuc.vn

Câu 5 (1,5 điểm)

Cho hình bình hành ABCD, trong đó AH vuông góc với cạnh DC (hình bên).



Điền vào chỗ trống.

a) Cạnh song song với cạnh AB là cạnh .....

Đáp án đúng:

Ô 1: DC / CD

Phương pháp

- Hình bình hành có hai cặp cạnh đối song song với nhau.

Lời giải

Trong hình bình hành ABCD, cạnh AB đối diện với cạnh DC.

Vậy cạnh AB song song với cạnh DC.

---

b) Cạnh AD bằng cạnh .....

Đáp án đúng:

Ô 1: BC / CB

Phương pháp

- Hình bình hành có hai cặp cạnh đối bằng nhau.

Lời giải

Trong hình bình hành ABCD, cạnh AD đối diện với cạnh BC.

Vậy cạnh AD bằng cạnh BC.

---

truongkienthuc.vn

c) Đoạn thẳng AH vuông góc với cạnh DC và cạnh .....

Đáp án đúng:

Ô 1: AB / BA

Phương pháp

- Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì cũng vuông góc với đường thẳng còn lại.

Lời giải

Theo đề bài, AH vuông góc với DC.

Mà AB song song với DC nên AH cũng vuông góc với AB.

Tổng điểm toàn đề: 10 điểm

truongkienthuc.vn